

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113 /2020/HS-ST
Ngày 27 -8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Việt Hưng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Toàn.

Ông Vũ Tiến Thịnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm T lý số: 103/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Trần Đức T; sinh ngày: 19/10/1976; tại Thái Bình; hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: thôn A, thị trấn N nay là thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Xuân Th; sinh năm 1951; ông Th được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Con bà Phạm Thị M, sinh năm 1950; có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1981 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2003. Tiền án: Bản án số 09/2015/HSST ngày 06/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/12/2014. Chấp hành xong án phạt tù ngày 19/01/2017. Ngày 07/02/2020 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, tiền phạt sung quỹ nhà nước 150.000 đồng và 200.000 đồng tiền phạt bổ sung; còn 4.800.000 đồng phạt bổ sung đến ngày phạm tội chưa thi hành, ngày 10/6/2020 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình ra quyết định miễn khoản tiền này. Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện số: 46/2017/QĐ-TA ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thời gian

24 tháng. Chấp hành xong ngày 05/4/2019. Nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội số 1936/QĐ-CT ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình thời gian 12 tháng. Chấp hành xong ngày 11/6/2014. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2020 đến ngày 23/4/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Họ tên: Phạm Văn Tr; sinh ngày 20/9/1982; tại Thái Bình; hộ khẩu thường trú nơi cư trú: thôn 7B, xã Vũ Tr, huyện K, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn K (đã chết), ông K là thương binh hạng 3/4; con bà Lý Thị M, sinh năm 1958; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con lớn; có vợ; Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1980 (đã ly hôn); có 01 con; sinh năm 2004. Tiền án: Bản án số 128/2015/HSST ngày 30/12/2015 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản 350.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2015. Chấp hành xong án phạt tù ngày 26/12/2016. Chấp hành xong án phí HSST, DSST ngày 11/4/2016, trách nhiệm dân sự bồi thường cho anh Dương Thế Phong số tiền 350.000 đồng, đến nay anh Phong chưa có đơn yêu cầu bồi thường. Áp dụng Điều 30 Luật thi hành án dân sự, Điều 60 Bộ luật hình sự, số tiền bồi thường chưa hết thời hiệu thi hành. Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 39/QĐ-TA ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thời gian 16 tháng. Chấp hành xong ngày 06/7/2018. Nhân thân: Bản án số 21/2015/HSST ngày 10/02/2015 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản 3.500.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 07/10/2014. Chấp hành xong án phạt tù ngày 07/4/2015. Chấp hành xong án phí HSST, DSST ngày 01/4/2015. Trách nhiệm dân sự bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huệ số tiền 1.400.000 đồng, đến nay chị Huệ không có đơn yêu cầu bồi thường. Căn cứ Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Điều 60, Điều 70 và Điều 73 Bộ luật Hình sự đã hết thời hiệu thi hành bản án và bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2020 đến ngày 23/4/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**Người chứng kiến:*

- NCK1 (vắng mặt).
- NCK2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 20/4/2020 Phạm Văn Tr điện thoại từ số 0393527309 đến số điện thoại 0366303489 của Trần Đức T là bạn quen biết ngoài xã hội, Tr nói “anh em mình lên thành phố kiếm ít đồ về chơi chung đi” (ý mua ma túy về cùng sử dụng chung), T đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva màu xanh, biển kiểm soát 17K6 - 1371 từ nhà đến gần nhà Tr thì gặp Tr, Tr nói với T. Hôm nay em không có tiền thì anh cứ bỏ tiền ra, lần sau em có em bỏ ra” T đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở Tr ngồi phía sau đến khu vực ngõ 02, đường H, tổ 11, phường Q, thành phố Thái Bình để mua ma túy. Tại đây T và Tr gặp một người phụ nữ khoảng 35 tuổi, T và Tr không biết tên địa chỉ, T nói với người này “em bán cho anh 200.000 đồng ma túy” người phụ nữ nói “đưa tiền đây”. T đưa 200.000 đồng, người phụ nữ nhận tiền và đưa lại cho T 01 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, T nhận lấy và cầm trong lòng bàn tay trái của T sau đó điều khiển xe mô tô chở Tr đi tìm chỗ để sử dụng. Khoảng 09 giờ cùng ngày khi T và Tr đi đến khu vực đường B, khu đô thị P, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình thì tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình yêu cầu T và Tr dừng xe lại để kiểm tra trước sự chứng kiến của anh Anh NCK1 và anh Anh NCK2. T tự giác đưa từ lòng bàn tay trái của T ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, mở kiểm tra bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, là ma túy, loại hêrôin, khối lượng 0,1679 gam. T khai nhận là Hêrôin của T và Tr mua để sử dụng chung. Tổ công tác đã niêm phong trong phong bì dán kín trên mép dán có chữ ký của T, Tr và người chứng kiến. Sau đó tổ công tác yêu cầu T, Tr đưa xe mô tô và mời người chứng kiến về Công an phường Q, thành phố Thái Bình để kiểm tra. Tại đây kiểm tra người T thu tại túi quần bên trái 01 điện thoại Samsung Duos màu trắng; thu tại túi quần hậu bên phải của T 01 ví giả da màu đen bên trong có 120.000 đồng, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H. Thu tại túi quần bên trái của Tr 01 điện thoại di động Masstel màu xanh đen; thu tại túi quần hậu bên phải 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Tr, ngoài ra không phát hiện thu giữ gì. Kiểm tra xe mô tô do T điều khiển không phát hiện thu giữ gì. Sau đó tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng. Bản kết luận giám định số 136/KLGD-PC09 ngày 21/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Vật chứng thu giữ của Trần Đức T gửi giám định là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,1679 gam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Văn Tr; không có ý kiến, khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số: 104/CT-VKSTPTB ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và tại phiên tòa, đại diện

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình thực hiện quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Văn Tr về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Văn Tr phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20 tháng 4 năm 2020). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20 tháng 4 năm 2020). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số Hêrôin thu của bị cáo Trần Đức T 0,1679 gam (*không thấy một nghìn sáu trăm bảy mươi chín gam*).

Trả lại bị cáo Trần Đức T 01 ví giả da màu đen, 01 đăng ký xe máy mang tên Trần Thị H, số tiền 120.000đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva màu xanh, biển số 17K6 - 1371. Trả lại bị cáo Phạm Văn Tr 01 ví giả da màu nâu, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Tr; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Tịch thu hóa giá xung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại Samsung Duos màu trắng thu của Trần Đức T; 01 điện thoại Masstel màu xanh đen thu của Phạm Văn Tr.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Văn Tr không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo Hồi 09 giờ, ngày 20/4/2020 tại khu vực ngõ 02 đường B, khu đô thị P, thành phố T; tổ công tác Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang Trần Đức T đang tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại hêrôin có khối lượng 0,1679 gam. Số ma túy này là của Trần Đức T và Phạm Văn Tr vừa cùng nhau đi mua về để cùng sử dụng. Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo Trần Đức T và Phạm Văn Tr phù hợp với lời khai của người chứng kiến là anh NCK1 và anh Anh NCK2. Lời khai của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang tại Công an phường Q, thành phố T lập hồi 9 giờ 15 phút ngày 20/4/2020; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ tại Công an phường Q thành phố T lập hồi 10 giờ 35 phút ngày 20/4/2020; biên bản kiểm tra và quản lý phương tiện lập hồi 10h 55 phút ngày 20/4/2020; biên bản kiểm tra quản lý và niêm phong điện thoại lập hồi 10h 45 phút ngày 20/4/2020 tại công an phường Q, thành phố T. Bản kết luận giám định số 136/KLGD – PC09, ngày 21/4/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: [...] c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; [...]”*.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Đức T và Phạm Văn Tr phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Bị cáo Phạm Văn Tr là người rủ Trần Đức T mua ma túy về sử dụng, T đồng ý và điều khiển xe mô tô đến đón Tr cùng trực tiếp đi mua ma túy như vậy đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Vai trò và mức độ tham gia của các bị cáo ngang nhau.

[3.1] Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, phá vỡ hạnh phúc gia đình, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an. Vì vậy phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với hậu quả của hành vi

phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đức T và Phạm Văn Tr thành khẩn khai báo; Trần Đức T có bố đẻ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Phạm Văn Tr có bố đẻ là thương binh nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[4.1] Bị cáo Trần Đức T và Phạm Văn Tr đã có tiền án, nhân thân xấu lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, nhưng do các bị cáo làm nghề lao động tự do thu nhập không ổn định, các bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số ma túy thu của bị cáo Trần Đức T, Phạm Quang Tr khai mua của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi không biết tên, địa chỉ tại khu vực đường H, tổ 11, phường Q, thành phố T, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[7.1] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 17K6 – 13-71 quản lý của Trần Đức T. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định đăng ký xe mang tên chị Trần Thị Hà, sinh năm 1976 ; nơi cư trú : Thôn Trục Tâm, xã Trà Giang, huyện K, tỉnh Thái Bình. Năm 2017 chị Hà đã bán xe trên cho Trần Đức T giá 3000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, tại phiên tòa bị cáo xin trả lại chiếc xe trên để gia đình làm phương tiện đi lại vì vậy trả lại xe mô tô cho bị cáo T nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Trần Đức T ma túy, loại Heroine (Hêrôine), có khối lượng 0,1679 gam (*không phải một nghìn sáu trăm bảy mươi chín gam*) là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[8.1] Đối với 02 chiếc điện thoại của bị cáo T và Tr sử dụng để liên lạc hàng ngày. Ngày 20/4/2020 Tr gọi cho T rủ đi mua đồ về chơi chung, tại phiên tòa các bị cáo đều xin lại điện thoại trên vì lần đầu các bị cáo gọi cho nhau. Xét thấy không cần tịch thu 02 điện thoại trên vì vậy trả lại cho các bị cáo.

[8.2] Trả lại bị cáo Trần Đức T 01 chiếc điện thoại Samsung Duos màu trắng, 01 ví giả da màu đen, 01 đăng ký xe máy mang tên Trần Thị Hà, số tiền 120.000đ là tài sản của bị cáo.

[8.3] Trả lại bị cáo Phạm Văn Tr 01 điện thoại Masstel màu xanh đen, 01 ví giả da màu nâu, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Tr; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 ; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự ; Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đức T và Phạm Văn Tr phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam giữ (ngày 20 tháng 4 năm 2020).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam giữ (ngày 20 tháng 4 năm 2020).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu tiêu hủy số Hêrôin thu của bị cáo Trần Đức T ma túy, loại Heroine (Hêrôine), có khối lượng 0,1679 gam (*không phải một nghìn sáu trăm bảy mươi chín gam*) còn lại sau giám định 0,1424 gam (*Không phải một nghìn bốn trăm hai mươi bốn gam*) được niêm phong trong bì thư số 136/KLGD - PC09, ngày 21/4/2020 của phòng Kỹ thuật hình

2.2. Trả lại bị cáo Trần Đức T 01 chiếc điện thoại Samsung Duos màu trắng, 01 ví giả da màu đen, 01 đăng ký xe máy mang tên Trần Thị Hà, số tiền

120.000đ. 01 xe mô tô SUZUKI biển kiểm soát 17K-1371. nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

2.3 Trả lại bị cáo Phạm Văn Tr 01 điện thoại Masstel màu xanh đen, 01 ví giả da màu nâu, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Tr; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 31 tháng 7 năm 2020).*

3. Về án phí: Bị cáo Trần Đức T và Phạm Văn Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Đức T và Phạm Văn Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/8/2020.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình
- Nhà tạm giữ Công an TP Thái Bình,
- Chi cục Thi hành án dân sự TPTB
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Việt Hưng